

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày: 15/9/2022

V/v : *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Việt Phương và ông Ngô Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 03 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXX-ST ngày 30/8/2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971 và ông Nguyễn Khắc Ng, sinh năm 1966 (Ông Ng vắng mặt). Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo uỷ quyền của ông Ng: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương. Bà M có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Vợ chồng bà với bà Nh là người khác xã, gia đình bà quen biết với ông Nguyễn Văn T ở thôn B, xã T (là bạn của bà Nh). Ngày 05/11/2011, bà Nh lên gia đình bà hỏi vay tiền để buôn bán kinh doanh thuốc thú y, do vợ chồng bà không quen biết bà Nh nên bà yêu cầu bà Nh phải làm thủ tục chuyển nhượng diện tích 102 m² đất cho ông bà vào ngày 24/11/2021. Hợp đồng chuyển nhượng này được sự thoả thuận của hai bên và được lập tại Văn phòng Công chứng Thành Công, Bà M và bà Nh làm hợp đồng vay tiền 400.000.000 đồng, thời hạn

vay là 3 năm, lãi suất 2.000 đồng/1 triệu/ngày. Nếu bà Nh không trả được nợ gốc và lãi thì hợp đồng chuyển nhượng giữa hai bên được thực hiện như đã thoả thuận. Nếu bà Nh trả nợ gốc và lãi đầy đủ thì Bà M sẽ trả lại sổ đỏ cho bà Nh (Hợp đồng chuyển nhượng đất có giá trị là 1.000.000.000 đồng). Từ ngày vay đến hết thời hạn trả nợ, Bà M đã rất nhiều lần đòi tiền nhưng bà Nh không trả được tiền lãi và tiền gốc. Sau đó đến năm 2018, Bà M và bà Nh đã thống nhất được với nhau để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho bà M, khi Bà M đã nộp tiền lệ phí trước bạ nhà đất xong chỉ chờ Phòng tài nguyên môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Nh có đơn đề nghị với Phòng Tài nguyên môi trường với nội dung: Hợp đồng chuyển nhượng này không phải do bà Nh ký, vì vậy Bà M không thể làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay quan điểm của Bà M là yêu cầu bà Nh trả tiền gốc và lãi theo thoả thuận từ ngày vay đến nay cụ thể là tiền gốc 400.000.000 đồng, tiền lãi là 480.000.000 đồng. Bà không có yêu cầu gì đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà với bà Nh vì bà xác định hợp đồng trên nhằm che giấu hợp đồng vay tiền giữa Bà M với bà Nh.

Ngày 08/9/2022, bà Nguyễn Thị M xác định từ khi vay nợ đến nay, bà Nh chưa trả được cho bà tiền nợ gốc và nợ lãi nào. Nay thời gian đã quá lâu, bà chỉ yêu cầu bà Nh trả cho bà số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, bà không yêu cầu bà Nh phải trả bà tiền lãi nữa.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Ngày 24/11/2011, do công việc làm ăn nên bà có vay của anh Ng, chị M 400.000.000 đồng, vay không thời hạn, lãi suất 2.000 đồng/1 triệu/ngày, khi vay bà Nh thiết lập 2 giấy vay tiền (gồm 1 giấy cam kết cầm đồ thì không ghi lãi suất, giấy thứ 2 là giấy chứng nhận vay tiền thế chấp, có ghi lãi suất là 0,2 đồng/1 triệu/ngày (giấy này ghi nhầm, thực tế là 2.000 đồng/1 triệu/ngày). Cả hai giấy này đều là một nội dung và chỉ vay 400.000.000 đồng, đồng thời ngay chiều ngày 24/11/2011 bà phải làm hợp đồng chuyển nhượng nhà đất, bà đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M, ông Ng và làm thủ tục công chứng tại Văn phòng công chứng Thành Công. Từ khi vay đến nay do làm ăn khó khăn nên bà chưa trả được tiền lãi, tiền gốc. Bà đã viết giấy nhận nợ của 2 tháng lãi, tháng đầu 24.000.000 đồng, tháng thứ 2 là 25.000.000 đồng, nhưng cả hai tháng đều không trả được. Nay bà M, ông Ng yêu cầu bà trả 400.000.000 đồng tiền gốc và 480.000.000 đồng tiền lãi, bà chỉ chấp nhận trả tiền gốc 400.000.000 đồng, còn lãi suất cho xin vì điều kiện kinh tế gia đình bà khó khăn không thể trả được. Năm 2018, bà đến nhà Bà M thoả thuận trả tiền nợ theo phương thức nhà đất nhà bà tính theo giá thị trường là 1,6 tỷ, bà trả Bà M 600.000.000 đồng, còn lại Bà M trả lại cho bà 1 tỷ đồng nhưng Bà M không đồng ý, do đó sự việc kéo dài đến ngày nay. Bà đề nghị TAND

huyện Kim Thành áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu trả lãi của Bà M vì từ năm 2014 đến nay Bà M mới khởi kiện đòi nợ gốc và nợ lãi của bà. Bà chấp nhận trả Bà M số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và nợ lãi là 100.000.000 đồng, tổng bà sẽ trả cho Bà M là 500.000.000 đồng theo phương thức mỗi năm bà trả vợ chồng Bà M 50.000.000 đồng vào cuối năm âm lịch.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Bà M đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Thành buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ gốc là 400.000.000đ; nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với lãi suất khoản vay.

Bị đơn bà Nh xác định nợ Bà M ông Ng 400.000.000 đồng và đề nghị được trả dần cho nguyên đơn mỗi năm 50.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Buộc bị đơn bà Nh phải trả nguyên đơn Bà M ông Ng 400.000.000 đồng tiền nợ gốc; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Ng và Bà M về việc buộc bà Nh phải trả 480.000.000 đồng tiền lãi.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] Về tố tụng : Ông Nguyễn Khắc Ng vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị M tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Ng.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Nguyễn Thị M , ông Nguyễn Khắc Ng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Thành buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Nh phải thanh toán toàn bộ nợ gốc là 400.000.000đ theo giấy vay tiền lập ngày 24/11/2011; căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật dân sự “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự” nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Nguyên đơn và bị đơn kí kết hợp đồng tại xã C, huyện K; bị đơn bà Nguyễn Thị Nh có hộ khẩu thường trú tại: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Ngày 24/11/2011, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị Nh có lập 02 giấy vay tiền với nội dung bà Nh có vay của Bà M số tiền 400.000.000đ; thời hạn vay là 3 năm. Bà Nh xác nhận nội dung giấy vay tiền và chữ ký của bà trong giấy vay tiền là đúng và bà có vay, được nhận số tiền 400.000.000 đồng của bà M, ông Ng. Thời điểm kí giấy vay tiền, Bà M và bà Nh hoàn toàn khỏe mạnh, tỉnh táo, không bị ép buộc và có năng lực hành vi dân sự; mục đích, nội dung của giấy vay tiền không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; bà Nh hoàn toàn tự nguyện và tự ký tên trong hợp đồng nên căn cứ vào Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005, xác định giấy vay tiền ngày 24/11/2011 là đúng quy định, có hiệu lực. Do đó, xác định có việc bà Nh nợ Bà M số tiền 400.000.000 đồng.

Nguyên đơn và bị đơn đều xác định từ thời điểm vay tiền ngày 24/11/2011 bà Nh chưa trả cho nguyên đơn bất kì khoản nợ gốc và lãi nào.

Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Nh có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Khắc Ng 400.000.000đ tiền nợ gốc.

[5] Đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn tự nguyện xin rút yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Nh thanh toán lãi suất từ thời điểm vay tiền 24/11/2011 đến nay là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên cần chấp nhận. Do đó, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn ông Nguyễn Khắc Ng và bà Nguyễn Thị M .

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nh có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122; 471; 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Khắc Ng .

2/ Buộc bà Nguyễn Thị Nh có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Khắc Ng tổng số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Bà M và ông Ng về việc buộc bà Nguyễn Thị Nh trả 480.000.000 đồng tiền lãi.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị M , ông Nguyễn Khắc Ng 19.600.000 đồng tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị M đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/ 0002665 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành.

5/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Trung

